

VAI TRÒ ĐỊNH HƯỚNG CỦA BÁO CHÍ PHẬT GIÁO VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX TRONG VẤN ĐỀ VẬN ĐỘNG THỐNG NHẤT PHẬT GIÁO

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU

PHẬT HỌC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

ISSN: 2734-9195

PHÁP - ÂM

Chủ-nhiệm : LÊ KHÁNH HÒA

TẬP THỨ I

Huê-thượng Tiên-Linh-Tự

GIÁ : 0 \$ 30

自覺覺他

TỰ GIÁC, GIÁC THA

法音

慈悲博愛

TỪ BI, BÁC ÁI

Một tập } 12 quyển Giá là 3 \$ 00
6 quyển — 1 50

Thơ từ và mandat xin gửi cho ông

LÊ-KHÁNH-HÒA chùa SẮC-TỬ

Làng Thạnh-Phú Xoài-Hột — MYTHO





ĐD.Thích Nhuận Lạc

Chùa Long Quang, số 30/2 Phan Văn Hớn, Ấp 7, Xuân Thới Thượng, Hóc Môn, TP.HCM
Tham luận tại hội thảo về chủ đề: **“Giáo hội Phật giáo Việt Nam: 40 năm hội nhập và phát triển cùng đất nước”** vào ngày 04-11-2021 tại Tp.HCM

Tóm tắt:

Trong một mối quan hệ biện chứng giữa báo chí Phật giáo và phong trào chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX, các học giả đã nhìn nhận vị trí của báo chí Phật giáo như một thành tựu được sản sinh trong phong trào chấn hưng Phật giáo. Tuy nhiên, trên bình diện khách quan chúng ta cũng cần đồng thời nhận định về vai trò tác động ngược trở lại và định hướng cho phong trào chấn hưng Phật giáo. Sự ra đời của báo chí Phật giáo Việt Nam đầu thế kỷ XX có những ảnh hưởng mạnh mẽ đến tiến trình lịch sử Phật giáo Việt Nam. Trong đó có vai trò định hướng và cổ động cho quá trình thống nhất Phật giáo Việt Nam, mà thành tựu cơ bản đầu tiên chính là sự ra đời của Tổng hội Phật giáo Việt Nam vào mùa Phật đản năm 1951.

I. BỐI CẢNH RA ĐỜI CỦA BÁO CHÍ PHẬT GIÁO VIỆT NAM

1.1. Hoàn cảnh lịch sử

Năm 1802, với việc thành lập vương triều Nguyễn, đánh dấu cho sự kết thúc mấy trăm năm ly loạn của lịch sử Việt Nam. Hàng trăm năm với bao cuộc binh lửa giày xéo mảnh đất quê hương người Việt. Cùng với đó, những giá trị văn hóa được kết tinh qua các triều đại phong kiến rực rỡ Đinh - Lê - Lý - Trần theo đó mà phai mờ theo năm tháng. Trong một khoảng trời tù đọng dưới tác động của tư tưởng thực dân, phong hóa dân tộc suy đồi, nửa đầu thế kỷ XIX, chế độ phong kiến Việt Nam níu giữ những ánh hào quang cuối cùng, loay hoay giải quyết những vấn đề khủng hoảng của xã hội. Trật tự xã hội chính danh mà Nho giáo ngổ hầu thiết lập đã không còn được áp dụng trong thực tiễn mà nó chỉ còn là một mớ lý luận giáo điều.

Phật giáo bấy giờ sau thời kỳ Trúc Lâm, mất đi vai trò chính trị của mình, Phật giáo Việt Nam mới sống đúng với bản chất Đại thừa của mình khi đẩy mạnh phát triển văn hóa, Phật giáo hòa nhập vào trong dân gian và bám rễ sâu rộng. Tuy nhiên sự hòa nhập vào dân gian quá rộng khiến cho những yếu tố mê tín dị đoan càng lấn át, khiến cho người ta đôi lúc không còn nhận ra diện mạo Phật giáo. Do đó Phật giáo cũng dần mất đi tính chất triết học vốn có, không còn lý luận dẫn đường nên cũng vô năng trước những vấn đề thời đại. Đạo giáo lại cũng không khá

hơn, bởi bản chất của Đạo giáo khi vào Việt Nam đã mang những khuynh hướng thần bí nên trong những việc khủng hoảng ý thức hệ dân tộc, Đạo giáo cũng không có đủ ảnh hưởng để giải quyết vấn đề.

Những mầm mống sâu xa đó âm ỉ trong xã hội Việt Nam, khi người phương Tây bắt đầu xâm nhập vào nước ta cùng với sự du nhập của Công giáo càng làm cho tình hình Việt Nam phức tạp. Trong tình thế chỉ biết khur khur gìn giữ tư tưởng độc tôn Nho học để tranh giành quyền lợi bè phái, kéo dài chiến tranh cục bộ giữa các tập đoàn phong kiến mà không màng đến hạnh phúc của dân đen, không nghĩ suy đến vận mệnh dân tộc. Điều đó làm cho xã hội Việt Nam bấy giờ khủng hoảng ý thức hệ nghiêm trọng.

Đêm 31 tháng 8, rạng sáng ngày 1 tháng 9 năm 1858, tiếng súng của Liên quân Pháp và Tây Ban Nha nổ rền nơi cửa biển Đà Nẵng, xé tan không khí u uất tồn đọng. Dân tộc Việt Nam một lần nữa đứng lên chống giặc. Đứng trước nhiều diễn biến phức tạp của thời đại ý thức hệ phong kiến càng lúng túng trước các lựa chọn mà lịch sử ép buộc. *“Trong giai đoạn này chính nền Nho giáo đó đang đứng trước ba thách thức: hệ tư tưởng (Công giáo đang thắng thế và mạnh mẽ đổi mới của hai học thuyết đang cạnh tranh: Phật giáo và Lão giáo), văn hóa (duy tân và bảo thủ) và chính trị (cuộc kháng chiến đối đầu với bước tiến của chủ nghĩa thực dân).”*¹ Bấy giờ có thể tóm lược những sự đấu tranh của ý thức hệ phong kiến trong ba vấn đề cơ bản như sau: thái độ giữa chính đạo và tà đạo (Công giáo), hòa hay chiến với Pháp để rồi bàn đến duy tân hay thủ cựu.

Tháng 6 năm 1884, triều đình nhà Nguyễn ký Hiệp ước Patenôtre, người Pháp chính thức thiết lập nền đô hộ ở Việt Nam. Về chính trị, Pháp dùng chính sách *“chia để trị”*, chia nước ta thành ba kỳ với ba chế độ thống trị khác nhau. Về kinh tế, thực dân Pháp tiến hành hai cuộc khai thác thuộc địa. Kết quả là nền kinh tế nước ta có sự phát triển mức độ nào đó theo hướng tư bản chủ nghĩa nhưng là nền kinh tế thuộc địa, mất cân đối, phụ thuộc vào Pháp. Dưới sự thống trị của thực dân Pháp, tính chất xã hội Việt Nam đã thay đổi. Trong xã hội Việt Nam nổi lên hai mâu thuẫn cơ bản. Mâu thuẫn cơ bản thứ nhất đồng thời là mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp. Mâu thuẫn cơ bản thứ hai giữa nhân dân Việt Nam, đa số là nông dân với địa chủ phong kiến.

Đầu thế kỷ XX, với ảnh hưởng các cuộc cách mạng tư sản trên thế giới, khuynh hướng chủ trương cải cách dân chủ nâng cao dân trí, cổ vũ tinh thần, cải thiện đời sống nhân dân bằng con đường bất bạo động, công khai, khai hóa cải cách, chấn hưng văn hóa, công nghệ, chống mê tín dị đoan hình thành.



1.2. Sự hình thành báo chí Phật giáo Việt Nam

1.2.1. Sự ra đời báo chí Việt Nam

Các thành tựu kỹ thuật về sản xuất số lượng lớn giấy, hệ thống máy in ấn đi vào hoàn thiện tạo điều kiện cho sự ra đời báo chí. Những nhu cầu thông tin và định hướng quần chúng để phục vụ cho lợi ích kinh tế - chính trị đòi hỏi những phương tiện hữu hiệu đã thúc đẩy báo chí ra đời. Từ những nhu cầu đó, tờ báo đầu tiên ra đời ở Đức. “Hiệp hội báo chí thế giới (World Association of Newspapers) đã chính thức công nhận tuần báo Relation của Đức ra đời tại Strebours vào năm 1605 là tờ báo in đầu tiên trên thế giới.”² Từ thời điểm đó, báo in đã phát triển một cách nhanh chóng, hiện diện khắp các thành phố lớn trên thế giới.

Năm 1859, sau khi chiếm được Gia Định, người Pháp đã bắt đầu quá trình thực dân của mình trên đất Nam kỳ. “Xâm lược và nô dịch người dân Việt, thực dân Pháp không những sử dụng lực lượng viễn chinh với vũ khí hiện đại mà còn sử dụng cả báo chí, một thứ vũ khí văn hóa - thông tin không kém phần lợi hại”.³ Ngay khi vừa được bổ nhiệm làm Thống đốc Nam kỳ, Bonard trên đường đến Sài Gòn đã đem theo một máy in và cho phát hành ngay Nam Kỳ Viễn chinh công báo (Le Bulletin Officiel de l'Expédition de la Cochinchine) vào ngày 29 tháng 9 năm 1861. Mục đích tối yếu của nhà cầm quyền Pháp bấy giờ nhằm ổn định Nam kỳ sau cuộc chinh phục vũ trang bằng một công cụ báo chí.

Tuy nhiên tầm phổ biến của báo Pháp vẫn chưa rộng rãi, hiệu quả tuyên truyền mà người Pháp mong muốn chưa đạt được hiệu suất tốt nhất. Vì vậy, sau đó vào năm 1862, Pháp cho xuất bản Xã Thôn công báo (Le Bulletin des Communes) bằng chữ Hán. Việc xuất bản một tờ

báo khác bằng chữ Hán dường như có hiệu quả hơn khi chạm được tới nguồn tri thức vốn có của người Việt Nam. Hai tuần báo trên không đủ để thỏa mãn nhu cầu thông tin cho nên ngày 1 tháng 1 năm 1864, người Pháp cho ra đời Sài Gòn Thư tín (Le Courier de Saigon), ra đều đặn mỗi tuần hai ấn phẩm. Tờ báo này bắt đầu truyền tải những tin tức kinh tế và xã hội ngoài những thông tin chính trị cần thiết.



Đến năm 1865, Gia Định báo ra đời, đây là tờ báo bằng chữ quốc ngữ đầu tiên được phát hành, dưới sự điều hành của E. Potteau. Tuy được diễn đạt bằng chữ quốc ngữ, và được cho là tờ báo đầu tiên của người Việt nhưng về mặt nguồn gốc hình thành của nó cùng xuất phát điểm từ chủ trương không ngoài những mục đích chính trị mà người Pháp vốn hướng tới. Như Thống đốc G. Roze nhận định trong văn thư báo cáo cho Bộ trưởng bộ Thuộc địa Pháp vào năm 1865 như sau: “*Gia Định báo đã được dân chúng ủng hộ một cách nồng nhiệt và ở nhiều địa phương những em bé biết đọc chữ quốc ngữ đã đọc báo cho cha mẹ chúng nghe*”.⁴ Thực chất, vào buổi ban đầu độc giả của báo cũng chỉ là một số ít công chức làm việc cho chính quyền Pháp. Vì chữ quốc ngữ chưa phổ biến trong toàn dân, người có thể đọc được chỉ là số ít các em bé được đào tạo bởi nền giáo dục có yếu tố người Pháp. Như vậy, Gia Định báo trong thời kỳ đầu chung quy cũng chỉ là tiếng nói của chính phủ Pháp ở Nam kỳ mà thôi. Có chăng sự phát triển của nó là sau khi quyền điều hành báo được giao cho Trương Vĩnh Ký thì mới có những chuyển biến, nhưng cũng chỉ nhằm cổ động cho một lối học mới, khuyến khích dân học chữ quốc ngữ và phát triển con chữ đó. Tuy nhiên vào “*lúc ban đầu cả nước chỉ có một tờ báo*

duy nhất bằng tiếng Việt (*Gia Định báo*), in trắng đen, thông tin còn tương đối chậm chạp”⁵ thì tờ báo đó cũng coi như là tiền đề đầu tiên cho sự phát triển báo chí Việt Nam sau này.

Sau *Gia Định báo* là sự ra đời của *Lục tỉnh tân văn*, *Nông cổ mín đàm*, *Đại Việt tân báo*,... Trong giai đoạn đầu của báo chí Việt Nam, nhiều khó khăn đối với sự phát triển báo chí nảy sinh. “Vào thời kỳ đầu tiên, tất cả báo chí đều do người Pháp thành lập và điều khiển, trong số này hầu hết là những cựu công chức Pháp”.⁶ Họ không hiểu rõ đời sống của người nước ta nên không thể nào biến báo chí thành một phần đời sống tinh thần của người Việt. Cũng như người Việt không thể xem báo chí là một phương tiện phản ánh thông tin cuộc sống, bởi lẽ hầu hết các tờ báo đều do người Pháp kiểm soát, chủ yếu thực hiện nhiệm vụ chính trị, đưa thông tin một chiều, cổ động và ca ngợi nền cai trị của người Pháp. Vì vậy vai trò báo chí trong đời sống quần chúng giai đoạn đầu rất mờ nhạt. Mặt khác, số lượng người Việt biết chữ quốc ngữ còn rất hạn chế, nói gì đến biết chữ Pháp, chữ Hán. Cho nên độ phổ biến trong quần chúng cũng hạn chế rất nhiều, làm cho việc truyền bá thông tin kém hiệu quả. Từ đó làm lu mờ vai trò của báo chí.

Bên cạnh vai trò chính trị, báo chí xuất hiện ở Việt Nam đồng thời thực hiện chức năng giáo dục và truyền bá, “sự phổ biến cái học mới của Tây phương, do người Pháp chủ trương và họ muốn thay đổi tận gốc rễ bằng những cố gắng truyền đạt sâu rộng trong quần chúng”.⁷ Báo chí đã góp một phần rất quan trọng bên cạnh nhà trường trong việc nỗ lực giáo dục một lối học mới cho người Việt. Chữ quốc ngữ theo đó mà được phổ biến rộng rãi hơn. Người Việt từ đây tiếp cận dễ dàng với tri thức hơn, nhận thức cũng thay đổi nhiều hơn và lối học cũ theo đó mà lụi tàn. Nhìn nhận mặt tích cực như thế nhưng đồng thời, người Pháp cũng đã thành công khi cắt đứt nguồn mạch quá khứ, làm gãy khúc mối liên hệ với văn hóa truyền thống của người Việt được xây dựng suốt mấy ngàn năm. Những con chữ La-tinh ấy được chuẩn hóa trên bình diện quốc tế, giúp con người dễ tiếp cận với văn minh thế giới hơn. Chính điều đó, một thời làm người Việt lầm tưởng rằng đó là phương tiện hữu hiệu hội nhập với khoa học - kỹ thuật phương Tây. Chữ viết, với chức năng là biểu tượng diễn đạt ngôn ngữ, phản ánh rõ nét tư duy, từ trong bản chất phản ánh sức sống của dân tộc, nay trong phút chốc vì sự hào nhoáng của văn minh vật chất phương Tây, vì muốn rút ngắn khoảng cách với tiến bộ thế giới, người Việt vốn lười sáng tạo đã chấp nhận con chữ mà người Pháp đem tới. Qua đó, có thể thấy, người Pháp đã thành công khi biến báo chí thành phương tiện phổ biến văn hóa Pháp ở Việt Nam.

Báo chí ở Việt Nam ra đời như thế, trong hoàn cảnh u uất của dân tộc. Người Pháp mang báo chí tới nước Việt như một công cụ trong quá trình thực dân của họ. Tuy nhiên nếu chỉ nhìn nhận phiến diện và tiêu cực về báo chí ở Việt Nam thì không công bằng. Bản thân báo chí không có tội tình gì, có chăng là việc sử dụng nó vào mục đích gì mới quan trọng.

1.2.2. Báo chí Phật giáo Việt Nam ra đời

Với một bề dày lịch sử gần bó và trung kiên với dân tộc Việt Nam như vậy, nhưng đến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Phật giáo Việt Nam chỉ còn là bóng mờ của quá khứ. Từ khi Pháp xâm

lược Việt Nam, cấu trúc văn hóa làng xã của người Việt cũng lung lay, do đó nơi bám trụ cuối cùng của Phật giáo cũng suy suyển. Như cụ Chánh Trí nhận xét về Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn Pháp thuộc rằng: *“Phật giáo chỉ còn cái xác, hầu khắp các chùa, việc phá trai phạm giới là thường, còn Phật thì được thờ như một vị thần linh mà người ta tưởng có thể dùng lễ vật mua lòng. Đến cuối thế kỷ XIX với sự đô hộ của Pháp, tình thế lại càng lụn bại thêm. Trong gần tám chục năm trời, Phật giáo vừa bị Thiên Chúa giáo cạnh tranh ráo riết, vừa bị nhà cầm quyền nghiêm khắc hạn chế: nào lập Tăng tịch để kiểm tra, nào bắt buộc cất chùa phải xin phép trước, nào hạn chế nhà chùa mua sắm đất đai hay thu nhận tài sản của thập phương cúng hỷ,... Nản chí, các nhà tu hành chân chính tìm chốn ẩn tu, để mặc cho bọn thầy đám múa gậy vườn hoang. Vì tham lợi, bọn này làm cho tình thế hỗn tạp đã nói ở phía trước ngày càng thêm trầm trọng, khiến cho khách bàng quan phải đau lòng trước cảnh tượng một đạo kỳ kỳ quái quái, trong đó thần bí, phù chú, tà tín, đa thần xáo trộn như một cuồng chỉ rối, không phương tháo ra”*.⁸ Chính cụ Chánh Trí là người Phật tử thuần thành mà còn phải nhận xét Phật giáo Việt Nam một thời tẻ lụi như vậy, thì dưới con mắt của ngoại đạo, một tôn giáo từng một thời giữ gìn nguồn cội tâm linh cho người dân Việt như thế sẽ bị nhìn nhận thành hình hài gì.

Người Việt Nam yêu quê hương, dân tộc, thấu hiểu rõ giá trị mà Phật giáo đem lại cho đất nước. Tha thiết với dân tộc cũng như mến mộ đạo pháp mà đề xuất cần phải chấn hưng Phật giáo nước nhà là như thế. Đến người Pháp, chỉ mới nghiên cứu về văn hóa người Việt mấy mươi năm mà cũng có những nhìn nhận khách quan về Phật giáo Việt Nam khi chính M.G. Robert cho đăng trên báo Đông Pháp loạt bài viết tựa đề *“Vì sao đạo Phật đáng cho hết thảy dân cỗi cực đông sùng bái”* được đăng liên tục trên ba số của tờ báo trên. Tác giả đã khái lược về lịch sử Phật giáo đồng thời khái quát hóa vũ trụ quan và nhân sinh quan của Phật giáo. Chẳng hạn như về mặt nhận thức luận, tác giả chỉ ra rằng Phật giáo không khuyến khích đức tin mù quáng mà chỉ dạy về chánh tín, chỉ tin những gì đáng tin. Chính ông lên án những người theo đạo Phật ở Việt Nam rằng *“hiện thời đây trong một muôn người Đông Pháp thì có chín ngàn chín trăm chín mươi chín người xưng mình là người theo đạo Phật nhưng không biết đạo Phật là cái gì ráo. Theo ý mấy người ấy, theo đạo Phật là theo chùa miếu và theo mấy điều dị đoan thô kệch, mà đã vậy lại không rõ chùa miếu ấy cùng mấy điều dị đoan ấy ra làm sao hết”*.⁹ Cái cốt yếu nhất trong bài báo mà tác giả đề ra đó chính là đề xuất người Việt phải nên sớm lập ra một hoặc một vài hội đạo Phật để chuyên học về pháp Phật. Hội phải cố gắng thúc đẩy việc tập hợp cho được những tín đồ thành thạo về khoa học vật lý phương Tây và phải nghiên cứu các sách ngoại văn về Phật giáo một cách rành rẽ để hiểu tường tận nghĩa lý và có thể giải thích cho quảng đại quần chúng hiểu được thấu đáo. Hội lập rồi phải đẩy mạnh việc diễn thuyết, phải in sách về Phật pháp nhiều hơn nữa để phổ biến rộng rãi và phải lựa chọn tu sĩ. Sau hết là lập vài trường cao đẳng về Phật học. Nghe người Pháp lớn lên trong văn hóa Thiên Chúa họ bàn về Phật giáo Việt Nam, chỉ dẫn cho người Việt phương cách làm sống lại Phật giáo nước nhà mới thấy người Việt đôi lúc thật vô tâm và thiếu trách nhiệm để suy tư cho cái nguồn cội tâm linh bao đời của mình. Nhìn nhận sâu sắc chúng ta cần xác quyết rằng tác giả của bài báo này thực sự khuyến khích chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam.

Trong những năm sau đó cho đến trước năm 1930 một loạt các bài báo về đạo Phật được đăng trên các tờ báo lớn lúc bấy giờ như Th c nghiệp dân báo, Khai hóa nhật báo, Đông Pháp thời báo, Đông Pháp, Công luận. Như vậy cho đến năm 1929 một lượng lớn các bài viết có nội dung liên quan đến Phật giáo được đăng tải trên nhiều tờ báo khác nhau.



Ngày 31 tháng 8 năm 1929, tờ Pháp Âm được xuất bản, do Hòa thượng Khánh Hòa chủ nhiệm. Báo Pháp Âm đặt cơ sở trị sự tại chùa Sắc Tứ Linh Thử ở làng Thạnh Phú (Mỹ Tho). Theo chủ trương của hòa thượng Khánh Hòa, Pháp Âm là định dạng nguyệt san, mỗi tháng xuất bản một lần. Tờ báo được in ở nhà in Thạnh Mậu, Sài Gòn. Báo có 9 chuyên mục trong số đầu tiên cũng là số duy nhất của tờ báo. Tờ Pháp Âm được nhiều nhà nghiên cứu lịch sử báo chí Việt Nam cho rằng đó là tờ báo Phật giáo đầu tiên ở Việt Nam. Tuy nhiên khi vừa ra số đầu tiên tờ báo này phải đình bản. Có nhiều lý do được đưa ra nhưng theo Nguyễn Đại Đồng, lý do chính là vì “theo lịch sử địa phương thì sau ngày thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương, tờ Dân Cày, tiếng nói của Tỉnh Đảng bộ Mỹ Tho cũng đặt trụ sở tại chùa Sắc Tứ Linh Thử, báo in tại ngôi nhà sát vách chùa. Mọi việc đạo việc đời đều do Giáo thụ Chơn Huê và Thủ tọa Điển (đệ tử của

hòa thượng Lê Khánh Hòa) sắp xếp. Chính quyền thực dân Pháp phát hiện, tiến hành lục soát chùa Sắc tứ Linh Thứu. Thủ tọa Điển bị truy nã, Hòa thượng Lê Khánh Hòa phải ôm kinh sách lên sở Mật thám giải trình. Vì thế Pháp Âm phải đình bản”.¹⁰ Sau đó, tờ Phật hóa Tân thanh niên ra đời, được ước định là sau Pháp Âm khoảng một tháng, do sư Thiện Chiếu chủ bút, tuy nhiên tờ báo được cho là tiếp nối sứ mạng của Pháp Âm cũng chung một số phận chỉ ra được một số duy nhất rồi phải bị đình bản. Nhiều quan điểm cho rằng đây là hai tờ báo đầu tiên của Phật giáo Việt Nam. Như Nguyễn Đại Đồng nhận xét “Pháp Âm và Phật hóa Tân thanh niên là hai đạo quân tiên phong dọn đường đi trước cho báo chí Phật giáo phát triển ở cả ba miền trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo sau này”.¹¹

Tuy nhiên trong một phạm vi nào đó, chúng ta cần minh định lại các khái niệm một cách rõ ràng để có thể định hình niên đại của báo chí Phật giáo Việt Nam. Trước hết, chúng ta cần xác định nội hàm thuật ngữ **“báo chí Phật giáo Việt Nam”** bao gồm các yếu tố nào. Đầu tiên cần phải nhận thức đầy đủ các yếu tố cấu thành nên báo chí, gồm có đối tượng chính là các xuất bản phẩm, yếu tố con người làm nên các ấn bản phẩm đó từ người chủ trương, chủ bút, ký giả, nhân viên của báo,... cho đến các cơ sở vật chất để phục vụ cho việc làm báo như tòa soạn, ấn quán và nhiều yếu tố liên quan thứ yếu khác nữa. Nếu đòi hỏi phải đầy đủ các yếu tố trên, một tờ báo chuyên san về Phật giáo, do chính những con người của Phật giáo hoặc liên quan đến Phật giáo điều hành và các cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động của tờ báo thuộc sở hữu Phật giáo, thì việc xác định Pháp Âm và Phật hóa Tân thanh niên là hai tờ báo Phật giáo Việt Nam đầu tiên không có điều gì phải bàn cãi nữa. Tuy nhiên, nếu nhìn nhận về nội hàm báo chí Phật giáo Việt Nam chỉ trong phạm vi đó thì không thể nào diễn tả đầy đủ sức sống của báo chí Phật giáo Việt Nam.

Đi xa hơn trong một vấn đề khác, khi khái niệm về văn học Phật giáo Việt Nam, nhiều nhà nghiên cứu văn học Phật giáo đưa ra nội hàm về văn học Phật giáo Việt Nam như sau: “Văn học Phật giáo là khái niệm chỉ toàn bộ những tác phẩm văn học viết về đời sống Phật giáo, hay mang cảm hứng Phật giáo khi phản ánh cuộc sống hiện thực. Những đặc điểm Phật giáo là yếu tố chi phối quan trọng nhất đối với toàn bộ quá trình sáng tạo văn học, từ lực lượng sáng tác (thiền sư, người am hiểu yếu mền đạo Phật) đến mục đích sáng tác (ngộ đạo, thể nghiệm, truyền đạo hay bộc lộ thái độ, tâm trạng, tình cảm, Phật giáo đối với cuộc đời); từ nội dung tư tưởng (chủ đề, đề tài, cảm hứng sáng tác) đến các hình thức nghệ thuật (trong việc lựa chọn, sử dụng ngôn ngữ Phật giáo, các thể loại và biện pháp nghệ thuật có yếu tố Phật giáo thích hợp); từ quá trình mã hóa đến quá trình giải mã nghệ thuật của văn học Phật giáo”.¹² Từ khái niệm đó về văn học Phật giáo Việt Nam, chúng ta có thể nhìn nhận những nét tương đồng trong việc tìm kiếm nội hàm của khái niệm báo chí Phật giáo Việt Nam, đó là chỉ toàn bộ các tác phẩm báo chí có nội dung viết về đời sống của Phật giáo Việt Nam, hay phát xuất từ nguồn cảm hứng Phật giáo khi phản ánh đời sống. Lực lượng làm báo bao gồm tất cả những con người của Phật giáo hoặc liên quan Phật giáo. Như vậy, theo một nội hàm như vậy, khái niệm về báo chí Phật giáo mới được rộng mở và phản ánh chính xác hơn về báo chí Phật giáo Việt Nam. Bởi lẽ, nếu chỉ bó hẹp trong khuôn khổ phải là người của Phật giáo làm báo, tờ báo phải

do Phật giáo chủ quản, nội dung chỉ đặc sệt Phật giáo thì không nói lên đầy đủ một nền báo chí Phật giáo Việt Nam vốn đã rất phong phú và đa dạng ngay từ ngày đầu thành hình.

Từ đó, chúng ta có thể mạnh dạn xác định mặc dù công nhận Pháp Âm là tờ báo Phật giáo đầu tiên, bởi lẽ, Pháp Âm có nội dung hoàn toàn phản ánh những kiến thức của Phật giáo, do những con người xuất thân từ Phật giáo thực hiện và trên những cơ sở vật chất của Phật giáo, nhưng báo chí Phật giáo Việt Nam không thể xác định nó ra đời khi Pháp Âm được xuất bản. Báo chí Phật giáo Việt Nam cần được xác định niên đại thành hình ít nhất là vào tháng 5 năm 1919 khi bài báo đầu tiên có nội dung mô tả và đề xuất chấn hưng Phật giáo được đăng trên Nam Phong. Thời điểm ấy, báo chí Phật giáo Việt Nam chính thức ra đời thì hợp lý hơn và công bằng hơn với một nền báo chí có thời gian tồn tại hơn một trăm năm ở Việt Nam và có những vai trò nhất định trong lịch sử. Chúng ta không thể im lặng mà lấy đi gần mười năm trường với hàng trăm bài báo đã được đăng tải trên nhiều ấn bản phẩm khác nhau với nội dung phản ánh sức sống của Phật giáo Việt Nam rõ nét, những con người xuất thân từ Phật giáo viết nên những bài báo như vậy mà không cho nó được đứng vào hàng ngũ báo chí Phật giáo Việt Nam.

Như vậy, từ năm 1919, báo chí Phật giáo Việt Nam hình thành và bắt đầu sứ mạng của mình trong việc giáo dục quần chúng. Làm phương tiện đắc lực cho công cuộc chấn hưng Phật giáo Việt Nam đầu thế kỷ XX. Trong mạch nguồn sức sống của Phật giáo Việt Nam, báo chí Phật giáo là một sự tiếp nối pháp âm được tuyên lưu quảng nhuận qua các triều đại. Báo chí Phật giáo Việt Nam nói lên tiếng nói của Tăng Ni, Phật tử nước Việt, thao thức và trăn trở những âu lo của người con Phật sống trong giai đoạn quê hương điêu tàn, đất nước suy đồi văn hóa, mấy mươi năm thuộc địa nô dịch làm gãy đổ nền luân lý đạo đức truyền thống. Với mục đích như vậy, từ những tiền đề đầu tiên trong thời kỳ hình thành này, báo chí Phật giáo từ Nam kỳ lan rộng ra khắp Bắc kỳ rồi Trung kỳ khơi dậy chánh tín của Phật tử mà tiến hành công cuộc chấn hưng Phật giáo Việt Nam.

II. NGUYỆN VỌNG VÀ Ý HƯỚNG HÀNH ĐỘNG THỐNG NHẤT PHẬT GIÁO VIỆT NAM ĐƯỢC PHẢN ÁNH QUA BÁO CHÍ

2.1. Trong giai đoạn sơ kỳ báo chí Phật giáo

Trong khi Phật giáo thế giới khơi dậy phong trào về nguồn, làm sống dậy Phật giáo tại Ấn Độ. Phật giáo Trung Hoa cũng trở mình dưới thiên trượng của Thái Hư đại sư. Những tác động từ bên ngoài đó thôi thúc Phật giáo Việt Nam tiến vào cuộc chấn hưng. Những đề xuất chấn hưng Phật giáo Việt Nam buổi ban đầu ấy được khởi phát từ báo chí. Chính Giáo sư Trần Văn Giàu trong công trình Sự phát triển tư tưởng Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến Cách Mạng Tháng Tám cũng cho rằng vấn đề chấn hưng Phật giáo Việt Nam được đề cập đầu tiên trên báo chí quốc ngữ sau Thế chiến thứ nhất.¹³ Trong số đó có thể kể đến các bài viết, trước hết là của Thượng Chi với nhan đề “*Trẩy chùa Hương*” đăng trên số 23 5/1919 của tờ Nam Phong, các bài báo của Nguyễn Văn Hộ đăng trên Lục tỉnh tân văn. Bài viết “*Bàn góp về sự lễ Phật năm mới*” của Đông Hải đăng trên Thực nghiệp dân báo số 8-3-1924. Cùng với các bài viết “*Vong nhân xá*

tội” đăng trên số 28-3-1924, “Câu chuyện đốt mã của một vị nữ lưu có kiến thức” đăng trên số 20-8-1924 của Khai hóa nhật báo.

Đặc biệt, tờ Đông Pháp thời báo có loạt bài đăng với tựa đề “Phật giáo lược khảo” đăng liên tục suốt hơn năm tháng từ số 5-11-1923 đến số 28-3-1924. Loạt bài trên nhằm mục đích “lược biên Phật giáo màu nhiệm là thế nào, rồi lần lần sẽ khảo cứu về Đại giáo chủ là đức Thích Ca từ sơ sinh đến thành chánh quả làm sao, khảo cứu từ Phật nhứt tổ là Đạt Ma đông độ hồi nào truyền đến Huệ Năng lục tổ làm sao, khảo cứu về lúc Phật đến Việt Nam ta là đời nào, sau rồi sẽ khảo cứu về luật tu hành, kinh sách”.¹⁴



Từ các bài báo trên, ngày 2 tháng 1 năm 1924, ông phủ Hời, một người có thế lực lớn và có thiện tâm sùng Phật đã tổ chức lễ an vị tượng Phật tại chùa Phước Thanh. Tại buổi lễ ông đã cung thỉnh bốn vị hòa thượng chứng minh gồm các vị hòa thượng Hoàng Nghĩa, Thanh Ấn, Bửu Chung, Từ Văn. Cùng với đó ông mời “hai thân hào là ông Tô Ngọc Đường quận trưởng Ô Lắc, ông Chấn, cai tổng và đại diện Đông Pháp thời báo”.¹⁵ Trong buổi lễ còn có sự hiện diện của nhiều nhà báo nhằm “bàn qua về đạo Phật, rồi tìm phương cách chỉnh đốn”.¹⁶ Sau đó, dưới sự chứng minh của các Hòa thượng, các vị có mặt tại buổi lễ đã đề xuất bốn điểm để tiến hành chấn hưng Phật giáo Việt Nam cấp thời. Như vậy, từ đầu thập niên 1920, những đề xuất cho việc chấn hưng Phật giáo Việt Nam đã xuất hiện trên phương tiện đại chúng để phổ cập đến quần chúng rộng rãi. Như vậy, có thể thấy, vai trò của báo chí với công cuộc chấn hưng ngay từ buổi đầu đã được xác lập.

Các bài báo đặc biệt chỉ ra toàn diện các điểm yếu làm cho Phật giáo trở nên suy yếu. Trong đó nguyên nhân khách quan đầu tiên được các tác giả lập luận là do văn hóa phương Tây đánh đổ nền Hán học của nước Nam. Khi Hán học mất vị trí của mình, số phận của Phật giáo

cũng liên đới ảnh hưởng, “từ khi Pháp sang bảo hộ nước ta, đem tân văn hóa, tân học thuật, v.v... ban bố cho ta, quốc dân ta đều khuynh hướng về tân học, thì tự nhiên Hán học phải hồi hưu, ấy là thời kỳ Phật giáo nước ta suy đồi vậy”.¹⁷

Đồng thời, báo chí Phật giáo thời kỳ này cũng chỉ ra nguyên nhân chủ quan của sự suy đồi này, mà trên hết là sự chậm chân của chính Phật giáo. Nhận thức về sự tụt hậu của chính Phật giáo trong thời đại văn minh công nghiệp đang thành hình và phát triển nên chính Phật giáo đồ cũng tự nhìn nhận “trong thời buổi này bây giờ mới xướng ra làm những việc ấy thật cũng là quá chậm mất rồi! Các đạo khác trong các nước văn minh thật đã làm trước mà đã đạt đến thời kỳ cổ rồi vậy. Thế mà đạo Phật ở nước ta bấy giờ mà thó đầu ra trong trường luận “chấn hưng” thực mới ở trong thời kỳ phôi thai vậy”¹⁸. Có thể thấy, từ trong diễn đàn báo chí, mà phong trào chấn hưng Phật giáo vận động mạnh mẽ nhất, những tư tưởng phát khởi cho phong trào chấn hưng, phát xuất và được cổ động bởi báo chí được lan rộng trong giới tăng tín đồ.

Bên cạnh đó, khi đã nhận thức các nguyên nhân chủ quan và khách quan một cách tường tận, nhu cầu chấn hưng đã được xác định thì vấn đề con người là tiên yếu. Câu hỏi được đặt ra ai sẽ là người thực hiện sứ mạng chấn hưng Phật giáo Việt Nam thực sự hóc búa. Bởi lẽ yếu tố con người có sự quyết định nhất thiết đối với bất cứ sự nghiệp lớn nhỏ nào, trong đó sự nghiệp chấn hưng Phật giáo cũng không ngoại lệ. Nhưng do thời cuộc mà tăng đồ Phật giáo Việt Nam thời điểm đó cũng suy đồi, thậm chí còn bạc nhược hơn cả số phận như đèn trước gió của Phật giáo Việt Nam. Chính sư cụ Tâm Lai cũng phải tự thốt ra rằng “Phật giáo mang tiếng suy đồi chính ở nơi thuyền gia thất sách vậy. Bần tăng nói ra đây cũng biết, nếu các bậc sư trưởng nghe thấy sẽ hiểu lầm mà trách bần tăng sao tự trong nhà chùa lại kể lỗi mình ra”¹⁹. Chính trong giới tu sĩ bấy giờ đã hủ hóa làm cho niềm tin nơi hàng cư sĩ cũng không còn. Giới tu sĩ tu hành không còn chân chính, cư sĩ không còn ngoại hộ, do vậy mà Phật giáo ngày càng rơi vào sự bế tắc. Chính giới cư sĩ cũng phải cất lên tiếng nói của mình trên phương tiện thông tin đại chúng rằng “đạo Phật cũng là một đạo mà bao người sùng bái, song lâu nay hình như có bề suy đồi mà chính như lời Pháp tăng chùa Hang đã thú nhận, thì các sư bây giờ phần nhiều là hủ lậu, câu nệ lại nhút nhát sợ hãi, hay lợi dụng sự mê tín của đàn bà con trẻ mà bày ra những nơi điện mẫu, bóng bà, để sinh ra đồng bóng lôi thôi, tưởng thế là đông khách, chứ có biết đâu trái đạo lý của Phật tổ”.²⁰

Chính vì những cái tệ lậu như thế nên nhận thức về Phật giáo của đồ chúng thời kỳ này lệch lạc hẳn so với giáo lý nhà Phật. Thêm phần các lập thuyết ngoại đạo rao giảng bắt đầu ăn sâu vào tâm thức người Việt, những lý luận “**trẻ vui nhà, già mới vui chùa**” làm cho đạo Phật bị già hóa cũng như mất một lượng lớn quần chúng là người nam cũng như người trẻ. Như chính tác giả Nam Hải nhận định, “trong bọn nam nhi chùa một số sư cụ, sư ông, sư chú, sư bác ra chú bác ta, anh em ta, và chính mình ta trong số một trăm người, nào mấy ai là kẻ trong một năm được “đồng trầu hương về chùa cúng Phật?”. Còn bọn phụ nữ, thì đệ tử Phật chỉ riêng có một số sư thầy, sư bà, vãi già, vãi trẻ. Thế mà trong các sư thầy, sư bà, vãi già, vãi trẻ ấy thử

hỏi trước khi thế phát đi tu, góp tiền ăn oản có biết Phật là thế nào không? Có biết sự tích Phật là thế nào không”²¹. Ngay cả đức Phật là ai, mà tín đồ Phật giáo còn không biết, ngay cả hàng tu sĩ cũng có một số không tường tận thì nói gì đến mệnh mông biển pháp trong tam tạng kinh điển của Phật giáo. Mà đã không biết thì tin theo Phật là tin vào việc gì hay niềm tin đó chỉ là sự mù quáng, do sự dẫn dắt từ niềm tin của lý tính thuần túy không có lập thuyết vững chắc bảo hộ, dẫn đến dễ rơi vào mê tín.

Từ những vấn đề đó, báo chí Phật giáo mới đề cập đến các giải pháp cho sự chấn hưng Phật giáo Việt Nam, trong đó, cần phải thực hiện tiên quyết *“muốn chấn hưng Phật giáo thì phải thống nhất Tăng đồ, mà Tăng đồ Việt Nam thì rời rạc như cát bụi sông Hằng Hà, về sao cho thành được thiện quả”²². Chính từ thời kỳ phôi thai của báo chí Phật giáo Việt Nam đồng thời cũng là phôi thai cho phong trào chấn hưng, đi đến thống nhất Phật giáo đã chỉ ra rằng, tăng sĩ phải là người lãnh đạo cho sự nghiệp chấn hưng và thống nhất Phật giáo Việt Nam. Do đó, vai trò của giới tăng sĩ rất quan trọng, không thể tự mình tìm hãm trong bốn bức tường già lam nữa mà cần phải có trách nhiệm với đạo pháp và dân tộc. Chính giới cư sĩ cũng mong mỗi nơi tăng sĩ rằng *“muốn chấn hưng Phật giáo để cho có ích lợi cho xã hội Việt Nam ta, thời có mấy lời chung cáo các nhà sư ta trong bốn điều (chiêu mộ nhân tài, mộ tập kinh phí, khắc chí thực hành, cải lương nhân cách) kể trên này phải lưu tâm đến luôn thời mới mong thành công được”²³.**

Vì nhận thức được vấn đề trên mà thông qua báo chí, Phật giáo đồ muốn phổ biến ý thức về thống nhất Phật giáo cho được tường minh. Trong khi các tài liệu về Phật giáo còn hạn chế, nên cần kíp bấy giờ phải làm lan tỏa tư tưởng một cách dễ dàng, phù hợp với nhận thức của quần đại quần chúng. Mà báo chí là phương tiện hữu hiệu nhất. Vì thế mà, những tác giả có bài đăng trên các báo trong thời kỳ này đa số đều kêu gọi có một sự phổ biến báo chí Phật giáo nhất định. Có ý kiến cho rằng *“liên lạc các sơn môn lại, lập làm một nơi “Phật giáo tổng hội” nhờ nhà báo làm cơ quan. Nhà chùa và thiện tín trong chùa đều mua những tờ báo nào làm cơ quan cho Phật giáo. Trong những tờ báo ấy sẽ nói với nhà báo thuê lấy hai trang phụ trương, nhà chùa sẽ gửi bài cổ động tuyên truyền hay diễn giảng đến, nhà báo nhận được là cứ đăng, như thế thì tiện lắm và chóng nên việc”²⁴. Từ các bài báo đã được đăng, một bộ phận nào đó của Phật giáo sẽ có khả năng tiếp cận được nguồn tư liệu đó, đặc biệt là giới tu sĩ và trí thức Phật giáo. Và thông qua các sách báo, *“khi có bài đăng báo, sách xuất bản rồi, phàm những nhà có lòng chấn hưng Phật giáo nên đem các báo ấy, sách ấy đến các chùa và các nhà thiện tín đọc và giảng dụ cho hết thấy đều biết”²⁵. Bằng phương cách như thế thì tư tưởng mới của Phật giáo mới rộng truyền đến tất cả Phật giáo đồ cũng như quần chúng. Đây là một trong những mục tiêu quan trọng mà các đề xuất chấn hưng Phật giáo được các báo đăng tải. Và từ việc phổ biến được nhận thức đúng về Phật giáo cũng cần triển khai thành lập một tờ báo chính thống riêng chỉ để phổ biến tin tức chuyên biệt cho Phật giáo. Vấn đề này được đặt ra cụ thể, *“nếu có xin phép lập “Phật học báo” chính phủ cũng sẵn lòng cho, vì ngoài Bắc kỳ chính phủ cho phép các cố bên đạo Gia tô lập ra báo “Trung Hoa” để cổ động cho giáo phái mình***

*thời tất phải lấy lẽ công bằng mà cho các sư bên đạo Phật mở ra một tòa báo không có tây vị bên nào cả. Và “tín giáo tự do” chính phủ không khi nào lại ngăn cấm sự tín ngưỡng của người dân được. Vậy tuyên truyền cho chóng được thành hiệu thời chi cho bằng dùng báo chí làm cơ quan. Sự lập báo đầu tiên là phải lắm”.*²⁶

Ngay từ buổi ban đầu sơ khởi phong trào chấn hưng Phật giáo, những nhu cầu của Phật giáo đồ Việt Nam nói riêng, của người dân Việt nói chung phản ánh qua phương tiện báo chí đã đòi hỏi một tôn giáo gắn bó với dân tộc, đem lại lợi ích thiết thực cho dân tộc Việt Nam. Và đó chính là một trong những định hướng mà phong trào chấn hưng Phật giáo cần phải đi theo, ngoài việc vực dậy đạo pháp, đồng hành để cùng dân tộc vượt qua khó khăn cũng là một nhiệm vụ mà Phật giáo phải thực hiện để thể hiện trọn vẹn tinh thần hộ quốc an dân mà Phật giáo Việt Nam đã từng thực hiện được một cách lấy lòng trong lịch sử. Hào quang của quá khứ và yêu cầu thực tiễn của thời đại đã đặt ra những mục tiêu lớn lao ngay từ khi bắt đầu cho phong trào chấn hưng Phật giáo. Trong tổng thể nhận thức đó việc thống nhất Phật giáo Việt Nam sớm để tập trung mọi nguồn lực là thực sự cần thiết. Vì vậy, đối diện với nhu cầu của thời đại, báo chí Phật giáo Việt Nam thời kỳ đầu tiên này đã phát những tín hiệu cho một sự trở mình của đạo Phật ở Việt Nam. Từ những lý luận đó mà hình thành nên tư tưởng chủ đạo cho sự nghiệp chấn hưng Phật giáo, đồng thời cũng cổ vũ cho Phật giáo đồ chung tay để thực hiện công cuộc chấn hưng.

2.2. Từ năm 1929 đến năm 1945

Với vị trí và vai trò to lớn, từ sớm, báo chí Phật giáo đã định hướng phải khai mở trường để giáo dục Phật học nhằm chấn chỉnh về mặt giáo lý làm nền tảng cơ bản cho phong trào chấn hưng Phật giáo, đào tạo con người để làm hạt nhân thực hiện sự nghiệp thống nhất Phật giáo. Không có con người để thực hiện thì mọi lý thuyết chỉ là viễn vông tồn tại trên mặt giấy. Chính báo chí Phật giáo đã kêu gọi chấn hưng Phật học trên bình diện quần chúng rộng rãi, không phân biệt tôn giáo, *“chúng ta học Nho là vì chúng ta nhận tôn chỉ đạo Nho là chánh đáng, tôn chỉ đạo Nho đã gồm trong đạo Phật, mà Phật học lại là một giáo lý hiệp thời, có thể chấn hưng, vậy chúng ta đối với sự chấn hưng Phật học chớ nên thờ ơ lãnh đạm”.*²⁷ Từ lời kêu gọi của báo chí ấy để đi vào hiện thực thi hành chấn hưng Phật học, báo chí Phật giáo cũng đề ra những lý thuyết vững chắc. Trong đó, báo chí Phật giáo đã đề ra nguyên lý giáo dục Phật học cần dựa trên lý thuyết huân tập của Phật giáo mà làm nền tảng, *“ta sẽ hiểu rằng trong đạo Phật, giáo dục chỉ là bước đầu trên con đường tu hành. Ta không phải chỉ cốt rèn luyện cho thành người vô hại mà còn phải rèn luyện cho thành người hữu ích. Lối giáo dục triệt để bằng huân tập ấy chỉ có thể tìm thấy trong đạo Phật”.*²⁸ Nguyên lý huân tập thành xương sống của giáo dục Phật học Việt Nam. Cho đến ngày nay nguyên lý ấy vẫn còn giữ nguyên giá trị. Từ nguyên lý đó mà khai triển đưa vào thực tiễn bằng các phương pháp giáo dục cụ thể.

Cùng với những lý thuyết giáo dục Phật giáo được hình thành, thông qua báo chí Phật giáo, phổ biến nhận thức về tầm vóc và nhu yếu phải giáo dục Phật học. Bởi lẽ sự tiến bộ của khoa

học - kỹ thuật cũng như giáo dục thế học đã đến một tầm cao mới. Giáo dục Nho học theo phương thức cũ đến thời điểm bấy giờ đã kết thúc nhiệm vụ lịch sử, nên Phật học nếu muốn phát triển cần phải thay đổi cho phù hợp thời đại chứ không thể bình chân như vại mà không chủ động để cải cách. Nhận thức mới đã được phổ biến, *“ngày nay thế giới khai thông, khoa học tiến bộ, nền giáo dục của thế gian đều rất hoàn toàn. Trình độ tri thức của xã hội đã mở rộng thì trình độ trí thức trong tầng chúng không dung hợp với trí thức của hiện thời không được”*.²⁹ Giới Phật giáo đã nhận diện rõ vai trò giáo dục Phật học như thế nên nhu yếu lập trường để tiến hành giáo dục Phật học lại càng cấp thiết hơn bao giờ hết.

Vì thế dù cho điều kiện vật chất còn kém thiếu nhưng những phương án để thực hiện việc lập trường sớm đã được báo chí Phật giáo hoạch định cụ thể, *“một chùa thì làm không nổi, nhiều chùa hay nhiều người thì làm dư được”*³⁰. Nhu cầu tổ chức trường Phật học cấp bách đến mức tăng tín đồ hô hào không ngớt để vận động quần chúng.

Bên cạnh việc hình thành tư tưởng giáo dục Phật học cũng như nhu yếu lập trường học, báo chí Phật giáo bấy giờ cũng kêu gọi thành lập hội Phật học để phổ biến Phật học bên ngoài trường học. Bởi lẽ việc phổ biến kiến thức ngoài trường lớp cũng quan trọng không kém, mà báo chí đã và đang thực hiện nhiệm vụ đó. Tuy nhiên nhu yếu có một hội Phật học để làm cơ quan chủ quản cũng như định hướng quản lý cụ thể cũng như đoàn kết tập hợp quần chúng thì hoạt động mới có thể bài bản, giáo lý được minh định cụ thể, rõ ràng hơn. Vì thế bên cạnh kêu gọi mở trường Phật học, nhu yếu ra đời hội Phật học cũng được đề nghị và nêu rõ mục đích *“hội trước hết là thức tỉnh tất cả Phật tử trong nước để hiệp thành đoàn thể”*.³¹ Vị trí của hội Phật học đã được báo chí nhận thức và phổ biến đến quần chúng như thế. Vì vậy mà ở mỗi vùng miền, Phật giáo đều ra sức lập hội Phật học để làm cơ sở tại địa phương, tiền đề cho việc thống nhất Phật giáo. Đến những năm 1930, báo chí Phật giáo đã phản ánh *“hiện thời các hội Phật giáo thì trước hết là hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học rồi đến hội Phật học ở Huế nay đã có các hội Phật học như Cao Miên Phật học hội ở Phnompenh. Đà Thành Phật học hội ở Tourane, Thiên Thai Thiền giáo tông ở Bà Rịa, Phật giáo Liên hữu ở Long Xuyên, Phật giáo Tương tế ở Sóc Trăng,... Các hội Phật giáo càng nhiều bao nhiêu thì Phật giáo càng chóng chấn hưng được bấy nhiêu”*.³²

Mục tiêu thứ hai mà phong trào chấn hưng Phật giáo hướng đến, được báo chí định hình là chấn chỉnh lại giáo chế. Trong đó cụ thể có thể quy nạp về hai vấn đề chính là chấn chỉnh Tăng già và thống nhất tổ chức điều hành Phật giáo trong toàn quốc. Chấn chỉnh Tăng già trước hết là phải chấn chỉnh tư cách cá nhân của giới tu sĩ. Báo chí Phật giáo lúc bấy giờ nêu lên quan điểm rất rõ ràng *“cá nhân Tăng già phải biết tự trọng, phải đủ tư cách hạ đảm chánh pháp, làm cho đầy đủ cái trách nhiệm hộ pháp, để giúp sức cho cơ quan hoằng pháp được tiến hành”*.³³ Tuy nhiên thực trạng tăng sĩ Việt Nam đầu thế kỷ XX cũng lên đên như vận nước. Phần vì xao lãng thực tập chánh pháp, đời sống không còn tinh chuyên, pha tạp với những sự mê tín dân gian mà hình thành nên những lối tu hành lập dị. Phần vì sự kìm chế tôn giáo

truyền thống của thực dân mà giới tăng sĩ Phật giáo nói riêng cũng suy đồi như tình hình đạo đức của quốc gia nói chung. Hòa thượng Trí Thủ trong bài viết của mình đã nhận định rằng, *“Tăng già ở xứ ta hiện nay thì tăng cũng chẳng phải tăng mà tục cũng chẳng phải tục. Nói rằng tăng thì họ cũng cạo đầu nhuộm áo, cũng gõ mõ tụng kinh. Nói rằng tục thì họ cũng có vợ có con, cũng ăn thịt uống rượu”*.³⁴ Những giá trị và quy củ định hình cho hàng tăng sĩ hao mòn theo năm tháng. Do đó nhiệm vụ cấp thiết bấy giờ ngoài việc phổ biến việc học Phật thì với nhìn nhận chủ quan, Phật giáo phải tự mình cải cách hàng ngũ tăng sĩ trước hết để còn có nguồn nhân lực mà thực hiện công việc chấn hưng. Nhiều tờ báo Phật giáo đã tha thiết kêu gọi và gióng lên hồi chuông cảnh tỉnh về thực trạng tăng sĩ bấy giờ, *“hồi xưa ở trong Tông lâm thì dùng đạo đức mà làm giá trị. Còn nay thì lấy tiền bạc mà làm cái danh vị hơn thua”*.³⁵ Từ đó, những nhà làm báo Phật giáo luận giải cho nguyên nhân Phật giáo suy đồi một phần do tăng sĩ không còn giữ giới hạnh, thiếu sự thực tập như pháp Phật dạy, *“Phật giáo suy đồi trong xứ Nam kỳ này chẳng phải tại sự thất học của Tăng đồ mà thôi lại cũng vì phần nhiều trong phái tông lâm không giữ giới hạnh”*.³⁶

Nhận thức được đầy đủ và toàn diện thực trạng tăng sĩ như thế, chính các tờ báo đã lên tiếng đề xuất các giải pháp khắc phục. Trong đó, đầu tiên phải cần đào luyện lại tăng sĩ Phật giáo sao cho giáo hạnh song toàn. *“Nghĩ cách thức liễm, đào luyện chóng nên người hạnh giáo song toàn, đáng làm quy cảnh cho hậu lai”*.³⁷ Việc tiên quyết phải làm là giáo dục tăng sĩ bài bản theo đúng lễ lối thiền môn. Bởi lẽ nhà có dốt thì từ nóc mà xuống, tăng sĩ là lãnh đạo tinh thần của Phật giáo, nếu không đầy đủ giới hạnh để làm chỗ quy ngưỡng cho quần chúng thì đạo Phật suy đồi là điều đương nhiên. Bên cạnh việc giáo dục thiền môn thì người tăng sĩ hiện đại cần phải đáp ứng đầy đủ nhận thức căn bản phù hợp với trình độ thế gian. Tăng sĩ là lãnh đạo tinh thần mà chậm tiến, không bắt kịp xu thế vận động của thời đại thì không thể nào thực hiện cho đầy đủ nhiệm vụ hoằng pháp. Vì vậy, giới tăng sĩ lại càng phải được đào tạo bài bản, mà như định hướng của báo chí thì *“muốn đắp cái nền tảng giáo dục của học tăng từ này về sau trước hết phải lấy giáo dục của quốc dân làm nền tảng mới được”*.³⁸ Phật giáo bấy giờ không thể tách rời khỏi xã hội. Xã hội càng tiến bộ thì xã hội tính của Phật giáo lại càng phải được nâng tầm. Giới tăng sĩ không thể nào có nền tảng giáo dục căn bản dưới mức yêu cầu mà xã hội bắt buộc. Cho nên việc cấp thiết là phải giáo dục trình độ thế học tăng sĩ phù hợp với chuẩn mực xã hội đưa ra. Có được giáo dục đầy đủ, con người mới nhận thức toàn diện và khách quan. Mà con người là động lực, là chủ thể tiến hành sự nghiệp thống nhất Phật giáo cho nên yếu tố con người phải được đặt lên hàng đầu và đào tạo cho tốt con người là rất cấp thiết.

Vấn đề thứ hai của mục tiêu chỉnh lý Tăng già cần phải đề cập chính là phục hoạt đoàn thể Tăng già. Tăng già là đoàn thể thanh tịnh và hòa hợp cùng tu học Phật. Dù cho trong thời Phật còn tại thế hay hiện tại, trên bất cứ quốc độ nào, Phật giáo muốn hưng thịnh thì Tăng già phải trang nghiêm. Nhận thức về thực trạng Tăng già bấy giờ, các nhà báo Phật giáo đã nhận định *“cái tòa nhà Tăng giới đã gần hai ngàn năm nay đến bây giờ đã tường xiêu nóc giột, cột mục*

kèo long, chữa sửa cái tòa nhà ấy lại là trách nhiệm của chư Tăng”.³⁹ Trách nhiệm cá nhân mỗi tăng sĩ đã lớn lao thì trách nhiệm của đoàn thể Tăng già lại càng hùng vĩ hơn nữa. Vì Tăng già là một trong ba ngôi Tam bảo, là đại diện cho Phật pháp thường trụ thế gian nên vai trò của Tăng già rất quan yếu trong sinh hoạt Phật giáo. Bởi lẽ sinh hoạt Phật giáo vốn dĩ mang đậm tính chất dân chủ và được điều hành trên phương thức lãnh đạo tập thể, cụ thể hàng ngũ lãnh đạo Phật giáo chính là Tăng già. Mọi hoạt động của Phật giáo có thành tựu hay không đều do đoàn thể Tăng già quyết định chính yếu.



Vì thế việc thống nhất Phật giáo có tiến bộ hay thoái bộ đều do Tăng già, chính báo chí Phật giáo thời kỳ này nhận định như thế, “theo dư luận ở ngoài thì người ta nói rằng, vì các ngài trong sơn môn không hòa hiệp cho nên trường học Phật ấy không có người chủ trương mà phải bỏ luống”.⁴⁰ Vì thế, việc phục hoạt lại đoàn thể Tăng già như pháp cũng cần thiết không kém cạnh các vấn đề giáo dục tăng sĩ và phổ biến Phật học. Các hội Phật học lập ra ngoài mục đích để lan tỏa tri thức Phật pháp đến quần chúng còn có một mục tiêu thứ yếu nữa chính là góp phần phục hoạt những sinh hoạt của Tăng già. “Hội Phật giáo lập ra trước hết là để chỉnh đốn Tăng già, mà cái trách nhiệm tương duyên Phật pháp chính là ở Tăng già. Tăng già có chỉnh đốn mới đào tạo được nhân tài”.⁴¹

Từ việc chỉnh lý Tăng già, báo chí Phật giáo bắt đầu định hướng và kêu gọi thống nhất Phật giáo trong cả nước. Phật giáo có sinh hoạt thành một đoàn thể thống nhất điều hành và tổ chức trên cả nước thì mới có đầy đủ sức mạnh để hoằng pháp. Từ nguyện vọng chung của quần chúng mà báo chí chính là tiếng nói được cất lên, những phương án thực hiện thống nhất Phật giáo trong toàn quốc đã được báo chí Phật giáo đề xuất. Trong đó, nhận thức về một nền Phật giáo thống nhất có tổ chức và điều hành thứ lớp được hình thành “một điều đáng buồn là lâu nay những người tu Phật ở nước ta thường nói Phật giáo ở Tích Lan, Xiêm La, Miến Điện,

*Cao Miên là phái Tiểu thừa, còn Tàu và Annam ta đây là Đại thừa nhưng xét ra cho đúng thì mấy nước ấy tuy tu theo tiểu thừa mà lại có trật tự, có hệ thống hơn ở xứ ta nhiều”.*⁴² Nhu yếu xây dựng một nền Phật giáo thống nhất hình thành trên cơ sở nhìn nhận thành tựu của các nước Phật giáo lân cận. Họ cũng xuất phát điểm với nền văn hóa Phật giáo tương đồng, đôi khi trong nhận thức đương thời, Phật giáo đồ Việt Nam còn chê bai họ là tiểu thừa nhưng chính họ đã tổ chức vận hành Phật giáo trên bình diện lớn thành công. Từ đó kích thích cho quyết tâm phải thống nhất Phật giáo trên toàn quốc của chúng ta.

Chính vì vậy, từ những tiến bộ của xã hội, phương thức tổ chức điều hành đoàn thể Tây phương đã được vận dụng vào để hình thành nên lý luận để xây dựng một tổ chức điều hành Phật giáo trên toàn quốc. Báo chí Phật giáo bấy giờ nêu cao lý tưởng đó rằng *“nay muốn sự trùng trừ sạch, long tượng trở ra, nếu không khôi phục cái bản thể lực hòa lại để làm cái lực lượng tập trung mà lo làm việc pháp vương thì sao cho được nếu không mượn cái cách tổ chức của thế pháp để làm cái duyên tăng thượng về cuộc chinh đốn của xuất thế pháp thì sao cho thành”.*⁴³ Từ lý luận đi đến thực tiễn, báo chí Phật giáo cũng đề xuất nên lộ trình để tiến tới một hội Việt Nam Phật giáo liên hiệp trên toàn quốc, *“tổ chức thành một hội Việt Nam Phật giáo liên hiệp để đấu gan chung cật mà lo cái công cuộc chấn hưng của tiến trình Phật pháp ở quốc độ ta, khiến cho tăng giới được thống nhất”.*⁴⁴ Lộ trình thành lập nên tổ chức Phật giáo chung cho cả nước được báo chí định hình rõ ràng, từ việc giáo dục nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở vật chất để làm các trụ sở cho hoạt động của Phật giáo về sau. Cuối cùng là đề xuất nhân sự điều hành hoạt động phải được lựa chọn trên những tiêu chí nhất định cụ thể.

Tất cả những vấn đề trên đã được báo chí Phật giáo hoạch định rất cụ thể và chi tiết *“tổ chức lại toàn quốc chỉ có một hội Phật giáo mà thôi, mà lại cần nhất là phải có một bản chương trình cho tận thiện tận mỹ thì mới mong có hiệu quả”.*⁴⁵ Được bổ sung lý luận liên tục thông qua phản hồi thực tiễn các tổ chức cục bộ ban đầu của mỗi địa phương để làm tiền đề cho thống nhất trên toàn quốc. Để đi đến thống nhất toàn diện trên toàn lãnh thổ, các tổ chức Phật giáo hình thành trên ba miền để sinh hoạt trong phạm vi hẹp nhất định nhằm củng cố tổ chức và hoàn thiện phương thức điều hành cho sự thống nhất về sau. Trên cơ sở đã hình thành sự thống nhất Phật giáo ba kỳ, mà liên hiệp lại để thống nhất trên toàn quốc, *“mấy hội Phật giáo trong ba kỳ nên liên hiệp với nhau rồi chọn những người chơn tu, có đủ đạo hạnh công cử mỗi tỉnh một người đại biểu để cổ động các chùa”.*⁴⁶ Chính báo chí Phật giáo đã giữ vai trò rất lớn trong việc định hướng để đi đến thống nhất Phật giáo trên toàn quốc vào năm 1951.

Mục tiêu cuối cùng phong trào chấn hưng Phật giáo hướng đến, được báo chí định hình là lập quy về vấn đề xây dựng và quản lý giáo sản. Về vấn đề này báo chí Phật giáo sớm cũng đã có những định hướng chùa chiền cần phải được minh định là tài sản chung của giáo hội, do giáo hội quản lý. Vào thời điểm bấy giờ, chùa chiền không nằm trong sự quản lý chung nhất mà lại do cá nhân mỗi tăng sĩ tự tạo lập và điều hành hoạt động. Về mặt tích cực thì giáo hội không

phải bận tâm về việc tổ chức cấp cơ sở nhiều, vì bấy giờ điều hành ở cấp trung ương đã khó mà vươn dài tay ra đến cơ sở là điều bất kham. Tuy nhiên tiêu cực cũng xuất hiện vì sinh ra những tệ lậu không mong muốn. Khi chủ quyền của tăng sĩ đối với chùa chiền được khẳng định mà giáo hội không có quyền điều chỉnh, định hướng thì cơ sở phát triển một cách tràn lan, vô tổ chức, tăng sĩ bắt đầu lười nhác, chỉ sống đời cầu an mà không lo cho việc chung của Phật giáo. Báo chí bấy giờ nhận định về việc này rằng tăng sĩ *“không chịu học tập tu trì để tương lai hiệp lực cùng nhau mà làm các sự nghiệp của Phật tổ được truyền lại. Chỉ khư khư mỗi người giữ một ngôi chùa để chiếm lấy cái địa vị an nhàn tự đắc là một ông chủ, bo bo giữ lấy dăm bảy mẫu ruộng, một vài sào vườn, quanh năm lấy lợi lộc ấy mà chu cấp cho uế thân”*.⁴⁷ Chính sự quản lý giáo sản có phần lỏng lẻo như thế mà sinh ra thâm hao của cúng mà dần vi phạm quy hướng cho Tam bảo.

Mặt khác, khi đã sống trong sự an nhàn nhất định, mang nặng tư duy cầu an như thế thì chính những tăng sĩ quản lý cơ sở cũng chẳng chịu tích cực hoạt động vì sự nghiệp thống nhất. Tư duy tiểu nông, e ngại nhiều việc mà quan trọng nhất là sợ rằng khi tham gia vào các hội đoàn Phật giáo thì sẽ mất chùa, mất địa vị vốn có của mình mà bình chân như vại, để cho Phật pháp suy đồi, cứ giữ tâm thế vị kỷ, làm cho xong việc của chùa mình. Báo chí Phật giáo đã phản ánh rất rõ nét tư duy *“Đạo không có thịnh suy việc gì mà hô hào chấn khởi, đời vẫn là uế trước cần gì phải lần lộn, xông pha, âu bằng chùa ta ta tu, Phật ta ta thờ, cơm ta ta ăn, sẵn có ruộng tiền của Liệt tổ để lại cho ta xài phí, nào cần chi ai, mà ai phạm đến ta”*.⁴⁸

Vấn đề cuối cùng của việc chấn chỉnh về mặt giáo sản, chính là xây dựng cơ sở, để phục vụ cho sinh hoạt Phật giáo. Báo chí Phật giáo đã nêu lên vai trò của kiến lập các cơ sở, *“nếu cái cơ sở kiến lập không đầy đủ thời e khi bước đường tiến bộ chưa đầy mau chóng”*.⁴⁹ Bên cạnh những hành hoạt, xây dựng đầy đủ về mặt tinh thần thì kiện toàn cơ sở vật chất cũng không thể thiếu kém. Yêu cầu xây dựng những cơ sở hành hoạt đủ sức để phục vụ cho quần chúng lớn khi đã lan tỏa Phật pháp sâu rộng trong xã hội được đặt ra.

2.3. Từ năm 1945 đến năm 1951

Báo chí Phật giáo bấy giờ phản ánh sau khi đã kêu gọi xây dựng lại quê hương không gì khác là cất lên tiếng nói để cổ vũ xây dựng lại các cơ sở Phật giáo bị chiến tranh tàn phá. Trong đó gồm cả những giá trị về mặt vật chất lẫn các giá trị phi vật chất. *“Thiền sư Mật Thể cho biết trước rằng việc bảo vệ và xây dựng phong trào Phật giáo lúc này là một công việc rất khó. Nhưng ông bảo người Phật tử không thể không có mặt. Bữa cơm trưa kéo dài đến chập tối. Mật Thể lấy trong bọc áo tất cả số tiền thu được của tạp chí Giải Thoát. Rồi cùng với một vị tăng sĩ trẻ tuổi tên Thiện Mẫn và bốn người Phật tử cư sĩ khác, ông lên đường đi Quảng Trị”*.⁵⁰ Từ Quảng Trị ông lên đường ra khu V. Đôi khi trong một thoáng chốc khi nhìn nhận về sự việc thượng tọa Mật Thể cùng với cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám lên chiến khu là hành động từ bỏ công việc chấn hưng còn dang dở. Tuy nhiên nếu nhìn nhận sâu sắc hơn chúng ta phải nhớ rằng, địa bàn Thanh - Nghệ - Tĩnh bấy giờ cũng có những cơ sở của hội Việt Nam Phật Học

tồn tại ở đó. Lên chiến khu vừa làm việc nước nhưng đồng thời cũng là đi củng cố các cơ sở của Phật giáo trong quần chúng khi mà chiến tranh đi qua đã quét sạch những nền tảng tại khu vực đó. Khu vực Bình - Trị - Thiên bấy giờ nền tảng Phật giáo đã tương đối vững, hàng tôn túc trưởng lão vẫn còn hiện diện ở đó để làm chỗ tựa nương cho quần chúng. Nên việc đi lên vùng chiến địa khó khăn mà mang ánh sáng Phật pháp đến đó là việc làm cần thiết cấp thời. Cùng với đó, cũng vậy, ở phía Bắc, Bồ Đề bán nguyệt san cũng kêu gọi đồng bào Phật tử di chuyển về những nơi đã lập lại trật tự mà phục hoạt lại các cơ sở Phật giáo. Hơn lúc nào hết, giờ phút này đây, khi dân tộc đang chìm trong khổ nạn đau thương là lúc cần Phật giáo đi làm nhiệm vụ xoa dịu nỗi đau chiến tranh nhất, cần chân lý Phật soi sáng những mảnh đời bất hạnh quần mình chịu những nỗi đau mất mát nhất. Vì thế ngay khi tục bản, Viên Âm đã chủ trương *“Nguyệt san Viên Âm bắt đầu tục bản trong dịp Phật Tổ đản sanh ngày mồng tám tháng tư năm nay. Mục đích chính là truyền bá chơn tinh thần đạo Phật, áp dụng chơn tinh thần ấy trong sự cải tạo đời sống xã hội, giới thiệu những phương tiện hành trì, giúp tài liệu nghiên cứu với những bạn có chí học Phật”*.⁵¹ Phật giáo bây giờ phải bắt đầu những sinh hoạt đang dở do chiến tranh, không thể viện cớ vì lý do thời cuộc mà chần chờ nữa. Phật giáo Việt Nam bấy giờ như người bệnh vừa thuyên giảm, lấy lại được một ít sức lực, nếu không gượng dậy khỏi giường bệnh, xa rời những thiết bị hỗ trợ thì chỉ cần một biến cố nhỏ thôi thì sẽ như đèn trước gió, vĩnh viễn không còn có thể rũ mình đứng dậy nữa. Do đó, Viên Âm cũng tha thiết kêu gọi *“như một chiếc đò đưa người, nó có thể vô dụng khi người đã qua sông hoặc không muốn qua. Phật học cũng thế. Nó là một chiếc thuyền kiên cố luôn luôn cập bến đau khổ để đưa người tiến hóa đến bờ sáng suốt. Cho nên nó sẽ vô dụng đối với người đã đạt đến sáng suốt an vui rồi đã đành, mà với những kẻ chỉ bằng lòng hụp lặn ở bến đau khổ mê muội thì chiếc đò Tiến hóa Phật học kia cũng vô ích”*.⁵² Để Phật giáo đi vào cuộc đời cần phải tích cực truyền bá, để quần chúng tiếp cận với Phật giáo sâu sắc. Nếu không có quần chúng để thực tập thì dù cho giáo lý của nhà Phật có vi diệu đến đâu cũng không còn giá trị thiết thực nữa. Cho nên ngay lập tức phải xây dựng lại quần chúng, mà việc này là tối yếu để xây dựng các giá trị còn lại, thì mới có thể hưng khởi Phật giáo tại nước nhà.

Cuối cùng, các tờ báo Phật giáo bấy giờ ra sức kêu gọi thống nhất Phật giáo trong cả nước. Báo chí bấy giờ không riêng Phật giáo mà ngay cả báo chí thế gian cũng nỗ lực hô hào *“phải bước tới Phật giáo toàn quốc, thống nhất Phật giáo, đấy là nguyện vọng từ lâu, nguyện vọng chung nhất của toàn thể Phật tử xuất gia cũng như Phật tử tại gia”*.⁵³ Bởi lẽ, việc làm còn dang dở do chiến tranh mà mục tiêu chấn hưng Phật giáo để ra chỉ còn việc này. Giữa thời đại văn minh Tây phương làm thước đo cho mọi giá trị xã hội. Xã hội Việt Nam đã chuyển mình, từng bước chấp nhận các phương thức quản lý xã hội theo định kiến phương Tây. Phật giáo không thể tách ra khỏi quy luật chung đó cho nên cần thiết phải có một mô hình quản lý theo kiểu thức hành chính đương thời. Việc thúc đẩy hình thành nên một tổ chức chung cho Phật giáo toàn quốc nhằm giải trừ những ảnh hưởng tiêu cực khi sinh hoạt lẻ tẻ, phân chia lực lượng giữa cư sĩ và Tăng già quá gay gắt trong thời điểm đó. Tuy nhiên nhìn nhận một cách chủ quan, bốn chúng của đức Phật phải thực sự hòa hợp với nhau như nước với sữa mới có thể xây dựng

nên Phật giáo vững bền. Dẫu biết rằng để có được một giáo hội Phật giáo như pháp việc cần thiết nhất là Tăng già phải hòa hợp và thanh tịnh. Dù bất kể thời gian nào, Tăng già có hòa hợp và thanh tịnh thì mới là chỗ tựa nương vững chắc cho quần chúng. Thời nào Tăng già ly tán cũng đồng nghĩa với việc Phật giáo nước nhà suy vi. Cho nên nhìn nhận về mặt bản chất sự thống nhất Phật giáo cần thiết đòi hỏi sự hòa hợp và thanh tịnh của Tăng già là trên hết. Còn việc tổ chức giáo hội như thế nào nó chỉ là biểu hiện về mặt hiện tượng. Mà đã là hiện tượng thì nó sẽ biến đổi theo sự vận động của thời đại. Vì vậy, dù ngôn ngữ phương tiện bên ngoài kêu gọi việc thống nhất Phật giáo để thành lập một giáo hội chung nhất là vậy nhưng sâu xa bên trong vẫn là kêu gọi một sự thanh tịnh và hòa hợp của hàng ngũ Tăng già. Khi Tăng già đã hòa hợp rồi thì với uy đức của hàng Chúng trung tôn, thầy của trời người không việc gì là không thể không thực hiện được.

Báo chí Phật giáo Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1951 đã phản ánh được sự vận động mạnh mẽ trong tư tưởng Phật giáo Việt Nam những năm đầu sau Cách Mạng Tháng Tám. Trong quá trình vận động quần chúng hồi cư xây dựng lại xã hội mới sau chiến tranh, vai trò Phật giáo càng thể hiện sâu sắc hơn khi giữ nhiệm vụ tuyên truyền tinh thần xây dựng nếp sống mới đến quần chúng. Đồng thời trong hơn năm năm vận động tích cực, Phật giáo Việt Nam thống nhất sau đại hội tại Từ Đàm mùa Phật đản 1951, đánh dấu thành công bước đầu của phong trào chấn hưng Phật giáo đồng thời mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Mặt khác với báo chí Phật giáo sau năm 1951 cũng theo đà thành tựu chung của Phật giáo Việt Nam mà phát triển mạnh mẽ.

III. SỰ RA ĐỜI CỦA TỔNG HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM VÀ VAI TRÒ CỦA BÁO CHÍ PHẬT GIÁO

3.1. Sự hình thành Tổng hội Phật giáo Việt Nam

Như vậy, cho đến trước tháng 5 năm 1951, trước khi Đại hội thống nhất Phật giáo Việt Nam diễn ra tại chùa Từ Đàm Huế, trong vòng 6 năm sau thành công của Cách Mạng Tháng Tám, có không dưới mười tờ báo Phật giáo hoạt động trên khắp nước Việt Nam. Sự nghiệp chấn hưng Phật giáo mà chư Tổ khởi động từ những năm đầu thế kỷ XX cho đến thời điểm bấy giờ có thể nói là đã có những thành tựu nhất định.

Thực vậy, sau hai ngàn năm phát triển trên đất nước Việt Nam, đến những năm hạ bán thế kỷ XX, khi toàn thể Phật giáo thế giới đã chung tay đoàn kết lại thành một khối thì Phật giáo Việt Nam cũng không đi ngoài sự vận động đó. Để có một sự hòa cùng nhịp dòng chảy của quốc tế, trước hết ở nội tại quốc gia, chúng ta phải thực sự đoàn kết, hòa hợp và thống nhất lại. Bước ra từ cuộc chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX, Phật giáo Việt Nam tới thời điểm những năm 1950 đã khoác lên mình một chiếc áo mới. Yêu cầu có một tổ chức để lãnh đạo sự hành hoạt của Phật giáo Việt Nam được đặt ra. Nhiệm vụ san phẳng những hình thức sai biệt, cùng chung sức chung lòng để làm tròn sứ mệnh kiến tạo hòa bình, gây mầm an lạc và nêu cao ngọn đuốc trí tuệ của đức Thế Tôn được đặt lên hàng đầu. Những tiền đề chuẩn bị cho sự ra đời của một tổ chức Phật giáo Việt Nam đã xuất hiện tương đối đầy đủ.



Chùa Từ Đàm, Thừa Thiên Huế

Ngày 6 tháng 5 năm 1951, năm mươi một đại biểu của Phật giáo khắp ba miền Bắc, Trung, Nam hội về chùa Từ Đàm cùng nhau tổ chức một Đại hội lịch sử thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam. Sau mùa Phật Đản 2495, Phật giáo Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Tổng hội Phật giáo Việt Nam, đáp ứng sự mong mỏi của toàn thể Phật giáo đồ Việt Nam suốt hơn hai mươi năm trường. Trong những ngày Đại hội diễn ra khắp khuôn viên của chùa Từ Đàm vang vọng thanh âm tiếng hát em thơ rằng Phật giáo Việt Nam thống nhất Bắc Nam Trung từ đây, một lòng chúng ta tiến lên vì đạo thiêng, nào cùng vui trong ánh đạo vàng rạng ngời bốn phương, vang ca đón chào Phật giáo Việt Nam.

Chiều ngày 9 tháng 5 năm 1951, Đại hội kết thúc và đưa ra bản Tuyên ngôn của Tổng hội. Những hoài bão, ước mong của Phật giáo Việt Nam từ những ngày đầu tiên khởi điểm cho công cuộc chấn hưng được phản ánh qua báo chí, bản nguyện cho một sự thống nhất sinh hoạt toàn thể Tăng tín đồ Phật giáo dưới một sự lãnh đạo chung nhất trong bản thệ thanh tịnh của Tăng già nay đã thành tựu và được phản ánh đầy đủ trong Tuyên ngôn của Tổng hội Phật giáo Việt Nam, như một thành tựu bước đầu cho công cuộc chấn hưng Phật giáo. *“Bánh xe Phật pháp xoay vần trên khắp quốc độ Việt Nam đến nay đã gần hai mươi thế kỷ. Nhân tâm, phong tục, văn hóa, chánh trị trong nước đều đã chịu ảnh hưởng rất sâu xa của Phật giáo. Tăng đồ và thiện tín từ Bắc vào Nam, một lòng quy ngưỡng Đức Điều Ngự Thích Ca Mâu Ni, sống trong tinh thần từ bi hỷ xả và luôn luôn lo toan xây dựng hòa bình. Nhưng sự đời không*

*hòa nhịp với lòng mong mỏi, hoàn cảnh trước đây đã chia ranh giới ba phần nên Phật sự cũng phải tùy duyên mặc dầu Phật pháp vẫn bất biến. Sự tương mỗi phần mỗi khác, làm cho mặt bằng quan xem như có điều chia rẽ. Nay cơ duyên thuận tiện, Phật giáo Việt Nam phải được thống nhất. Hơn nữa, họa chiến tranh đang gieo rắc khắp nơi, nhân loại đang lâm vào cảnh lầm than phiền não. Chính là lúc Đạo Từ Bi và Vô Thượng phải đem nước Cam Lộ mà rưới tắt lửa sân si để xây dựng cảnh hòa bình cho nhân loại”.*⁵⁴ Trong thành tựu chung đó, không thể không nhắc đến những đóng góp của báo chí Phật giáo như cánh chim không mỏi thực thi nhiệm vụ giáo dục và truyền bá chánh pháp.

3.2. Vai trò của báo chí trong cuộc vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam

Phong trào chấn hưng Phật giáo là một trong những hoạt động có ảnh hưởng rất lớn với Phật giáo Việt Nam hiện đại. Đó là bước chuyển mình sang thời hiện đại của Phật giáo Việt Nam. Theo những quan niệm trước đây, chúng ta đều nhận định rằng, báo chí Phật giáo là một trong những thành tựu lớn của phong trào chấn hưng Phật giáo. Tuy nhiên, nếu nhìn nhận khách quan hơn và sâu sắc, chúng ta cần phải nhận định lại vấn đề này. Thực tế, báo chí Phật giáo sớm đã thành hình trước khi phong trào chấn hưng Phật giáo khởi phát. Việt Nam Phật giáo sử luận cho rằng, “*Thiền sư Khánh Hòa vào năm 1923 nhân ngày giỗ Tổ chùa Long Hòa, quận Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, vào ngày 19 tháng chín âm lịch (Quý Hợi), ông vận động mời tất cả những vị tôn túc khắp miền Tiền Giang và Hậu Giang về Tiểu Cần để dự lễ, đồng thời họp bàn về vấn đề chấn hưng Phật giáo*”⁵⁵, cùng nhiều tài liệu khác đều lấy mốc đó làm năm phát khởi phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam. Một số ít tài liệu khác thì cho rằng mốc đó sớm hơn nhưng cũng chỉ ở mức những năm đầu thập niên 1920. Nhưng từ tháng 5 năm 1919, trong số báo 23 của tờ Nam Phong, Thượng Chi - Phạm Quỳnh đã có bài viết “*Trầy chùa Hương*” đề cập đến vấn đề chấn hưng Phật giáo Việt Nam. Có thể nói, phong trào chấn hưng Phật giáo tuy do giới Phật giáo mà cụ thể là hòa thượng Khánh Hòa phát khởi nhưng tư tưởng và đề xuất lại xuất phát từ giới sĩ phu Nho học. Đồng thời chính từ phương tiện báo chí Phật giáo là công cụ gợi ý, định hướng và dẫn dắt cho phong trào chấn hưng Phật giáo. Vì thế có thể nhận định rằng, báo chí Phật giáo từ khi hình thành đã giữ vai trò định hướng và dẫn dắt cho phong trào chấn hưng Phật giáo chứ không chỉ đơn giản là một thành tựu của phong trào chấn hưng.

Tóm lại, phong trào chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX, được thành công và để lại nhiều thành tựu, trong đó vai trò định hướng và dẫn dắt có báo chí rất lớn. Báo chí hoạt động để đề xuất ra các mục tiêu hành động cải cách về mặt giáo lý, giáo chế và giáo sản cho phù hợp với tình hình thực tế của Phật giáo Việt Nam. Có thể nói, những tư tưởng mà báo chí đưa ra chính là lý luận để làm cương lĩnh dẫn đường cho hoạt động thực tiễn của phong trào chấn hưng Phật giáo. Trong quá trình dài thực hiện phong trào chấn hưng Phật giáo thì báo chí đồng thời cũng là phương tiện tuyên truyền và tiếp nhận phản hồi để thực hiện liên tục việc tổng kết thực tiễn nhằm đưa ra những lý luận kịp thời bổ sung trực tiếp vào đường lối hành hoạt của phong trào chấn hưng. Do đó, chính báo chí Phật giáo cũng nhận định về vai trò của chính lực lượng báo chí rằng “*tương lai của Phật giáo đồ xứ ta dù tiến bộ hay thoái bộ trên con đường*

chơn chánh là do nơi các hội và các san chí ấy cả”⁵⁶.

KẾT LUẬN

Báo chí Phật giáo ra đời và kêu gọi chấn hưng, trong đó việc thống nhất hệ thống sinh hoạt Phật giáo là một thành tựu tiêu biểu. Phong trào chấn hưng Phật giáo hình thành từ sự khơi nguồn của báo chí, những tiền đề tư tưởng và phương pháp thực hiện được báo chí đưa ra nhằm lan tỏa rộng rãi trong quần chúng. Từ đó, từ lý luận hình thành trên mặt giấy đi vào đời sống từng bước chắc chắn. Sau đó, từ sinh hoạt Phật giáo đang diễn ra lại được phản ánh bằng những con chữ trên mặt báo như một sự đúc kết thực tiễn để hoàn thiện lý luận. Có thể nói, báo chí Phật giáo đầu thế kỷ XX đã định hướng và dẫn dắt cho thống nhất Phật giáo Việt Nam. Nói rộng hơn, chính báo chí Phật giáo giữ vai trò hoạch định cho sự thống nhất của Phật giáo Việt Nam.

Ngoài vai trò định hướng và dẫn dắt đó, báo chí Phật giáo còn góp phần quan trọng trong việc hình thành cơ cấu tổ chức sinh hoạt Phật giáo có thứ lớp một cách bài bản. Từ những tiền đề mà báo chí Phật giáo sớm đã đặt ra ngay từ những năm 1920, một tổ chức lãnh đạo Phật giáo toàn quốc không phân biệt tổ chức, tông phái với sự thống nhất toàn diện về mặt lãnh đạo được hình thành vào năm 1951.

Tuy nhiên, quá khứ là để tự hào và hiểu về việc làm của tiền nhân nhưng không thể sống cùng quá khứ quá lâu. Việc đau đầu của những con người hiện tại là phục hoạt lại những giá trị mà lịch sử để lại. Nhìn về thế kỷ trước, chúng ta có thể thấy được những giá trị mà báo chí Phật giáo Việt Nam đã xây dựng nên. Trong dòng chảy tư tưởng Việt Nam, báo chí Phật giáo đã góp phần phản ánh và định hướng cho dòng lưu chuyển ấy không nhỏ. Những thành tựu mà báo chí Phật giáo nửa đầu thế kỷ XX để lại cho đến ngày nay, chúng ta vẫn còn thừa hưởng trọn vẹn những giá trị đó.

ĐD.Thích Nhuận Lạc

Chùa Long Quang, số 30/2 Phan Văn Hớn, Ấp 7, Xuân Thới Thượng, Hóc Môn, TP.HCM

Tham luận tại hội thảo về chủ đề: **“Giáo hội Phật giáo Việt Nam: 40 năm hội nhập và phát triển cùng đất nước”** vào ngày 04-11-2021 tại Tp.HCM

CHÚ THÍCH

1 Trịnh Văn Thảo, *Ba thế hệ trí thức người Việt*, Nxb Tri thức, 2020, tr. 193.

2 Nguyễn Thị Trường Giang, *Giáo trình lịch sử báo chí, tập 1*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2020, tr. 11.

3 Nguyễn Thị Trường Giang, *Giáo trình lịch sử báo chí, Sđd*, tr. 19.

4 Huỳnh Văn Tòng, *Báo chí Việt Nam từ khởi thủy đến 1945*, Sđd, tr. 62.

5 Nguyễn Thị Trường Giang, *Giáo trình lịch sử báo chí, tập 1*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2020, tr. 13.

- 6 Huỳnh Văn Tòng, *Báo chí Việt Nam từ khởi thủy đến 1945*, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr. 28.
- 7 Huỳnh Văn Tòng, *Báo chí Việt Nam từ khởi thủy đến 1945*, Sđd, tr. 28.
- 8 Mai Thọ Truyền, *Phật giáo Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, 2007, tr. 19-20.
- 9 Ninh Thị Sinh, *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc kỳ*, Sđd, tr. 53.
- 10 Nguyễn Đại Đồng, “Pháp Âm và Phật hóa Tân thanh niên là hai tờ báo Phật giáo đầu tiên trong lịch sử báo chí Việt Nam”, *Giác Ngộ*, số 147, 6/2008, tr. 21.
- 11 Nguyễn Đại Đồng, “Pháp Âm và Phật hóa Tân thanh niên là hai tờ báo Phật giáo đầu tiên trong lịch sử báo chí Việt Nam”, *Giác Ngộ*, số 147, 6-2008, tr. 23.
- 12 Nguyễn Phạm Hùng, *Văn học Phật giáo Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội, 2015, tr. 50.
- 13 Trần Văn Giàu, *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, tập II, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2020, tr. 193.
- 14 Đông Pháp thời báo, “Phật giáo khảo lược”, *Đông Pháp thời báo*, 5-11-1923 (dẫn lại theo Ninh Thị Sinh, *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc kỳ*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2020, tr. 51).
- 15 Ninh Thị Sinh, *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc kỳ*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2020, tr. 51.
- 16 Ninh Thị Sinh, *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc kỳ*, Sđd, tr. 51.
- 17 Thiện Chiếu, “Cái vấn đề chấn hưng Phật giáo ở nước nhà”, *Đông Pháp thời báo*, số 532, 14-01-1927.
- 18 Tỉ khiêu tự Lai, “Phật giáo có nên chấn hưng không”, *Đông Pháp*, số 318, 03-02-1927.
- 19 Tỉ khiêu tự Lai, “Về việc chấn hưng Phật giáo”, *Khai hóa nhật báo*, số 1640, 16-01-1927.
- 20 Tiệm Hồng, “Phật giáo nên chấn hưng thế nào”, *Đông Pháp*, số 317, 01-02-1927.
- 21 Nam Hải, “Ai bảo nước ta không có Quốc giáo”, *Khai hóa nhật báo*, số 1637, 13-01-1927.
- 22 Tỉ khiêu tự Lai, “Vấn đề chấn hưng Phật giáo”, *Khai hóa nhật báo*, số 1688, 20-03-1927.
- 23 Nguyễn Mạnh Bổng, “Phật giáo với xã hội Việt Nam”, *Thực nghiệp dân báo*, số 1874, 14&15-02-1927.
- 24 Tỉ khiêu tự Lai, “Lại việc chấn hưng Phật giáo”, *Khai hóa nhật báo*, số 1650, 28-01-1927.
- 25 Pháp tăng tự Tâm Ứng, “Chấn hưng Phật giáo”, *Đông Pháp*, số 320, 08-02-1927.
- 26 Nguyễn Mạnh Bổng, “Muốn chấn hưng Phật giáo ngày nay làm thế nào cho có hiệu quả”, *Đông Pháp thời báo*, số 544, 16-02-1927.
- 27 Lê Mai Đính, “Nho giáo với Phật giáo”, *Viên Âm*, số 22, 7-8/1936, tr. 14.
- 28 Ngô Điền, “Giáo dục bằng lối huân tập”, *Viên Âm*, số 55-56, 12/1942&1/1943, tr. 38.
- 29 Đồ Nam Tử, “Chương trình giáo dục Tăng chúng trong đạo Phật ngày xưa”, *Đuốc Tuệ*, số 48, 10-11-1936, tr. 6.
- 30 Viên Âm, “Cách tổ chức Phật học trường”, *Viên Âm*, số 8, 1-7-1934, tr. 37.
- 31 Tâm Trục, “Phật pháp đối với hiện đại ở trong xứ ta”, *Viên Âm*, số 36, 4-5/1939, tr. 12.
- 32 Lê Văn Xuân, “Chấn hưng và tương lai của Phật giáo”, *Duy Tâm Phật học*, số 9, 1-6-1936, tr. 523.
- 33 Giác Phong, “Luận về chương trình tổ chức hội Việt Nam Phật giáo liên hiệp”, *Tam Bảo chí*,

số 5, 6-7/1937, tr. 13.

34 Trí Thủ, “Xuất gia và tại gia”, *Duy Tâm Phật học*, số 5, 1-2-1936, tr. 245.

35 Từ Bi Âm, “Pháp Trường kỳ theo kiểu kim thời”, *Từ Bi Âm*, số 40, 15-8-1933, tr. 37. 36 Từ Bi Âm, “Người nhà chùa ăn mặc trái phép”, *Từ Bi Âm*, số 45, 1-11-1933, tr. 38. 37 Thích Hiển Thụy, “Xuân về”, *Từ Bi Âm*, số 217, 1/1944, tr. 16.

38 Hòa thượng Lê Phước Chí, “Bàn về học Tăng ở trên nền quốc dân giáo dục”, *Từ Bi Âm*, số 95, 1-12-1935, tr. 16.

39 Dương Bá Trạc, “Về vấn đề chỉnh đốn Tăng già”, *Đuốc Tuệ*, số 101, 15-1-1939, tr. 44.

40 Đà Thành Phật học hội, “Mừng hay là lo”, *Tam Bảo chí*, số 7, 11-12/1937&1/1938, tr. 25.

41 Thanh An, “Một vài ý kiến về việc chấn hưng Phật giáo”, *Đuốc Tuệ*, số 41, 22-9-1936, tr. 3.

42 Hòa thượng Chánh Quả, “Những người tu Phật cần phải thọ giới, học giới và trì giới”, *Từ Bi Âm*, số 186, 6-1941, tr. 21.

43 Đà Thành Phật Học Hội, “Tấm lòng thành khẩn”, *Tam Bảo chí*, số 3, 15-3-1937, tr. 7.

44 Đà Thành Phật Học Hội, “Tấm lòng thành khẩn”, *Tam Bảo chí*, số 3, 15-3-1937, tr. 8.

45 Giác Phong, “Luận về chương trình tổ chức hội Việt Nam Phật giáo liên hiệp”, *Tam Bảo chí*, số 5, 6-7/1937, tr. 13.

46 Thiện Quả, “Luận về vấn đề chấn hưng Phật giáo ở nước ta”, *Duy Tâm Phật học*, số 7, 1-4-1936, tr. 409.

47 Tố Liên, “Cái buồn chung của Tăng giới thiếu niên trụ trì hiện nay”, *Đuốc Tuệ*, số 42, 29-9-1936, tr. 3.

48 Hải Đức, “Phật tử là ai, ai là Phật tử”, *Tam Bảo chí*, số 4, 4-5/1937, tr. 8.

49 Tam Bảo, “Bổn ý và sự hành động”, *Tam Bảo chí*, số 1, 15-1-1937, tr. 7.

50 Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb Văn học, 2011, tr. 911.

51 Viên Âm, “Lời đầu ngữ”, *Viên Âm*, số 79, 5-5-1949, tr. 3.

52 Viên Âm, “Lời nói đầu”, *Viên Âm*, số 93, 22-6-1950, tr. 5.

53 Thích Trí Quang, “Hãy bước tới Phật giáo toàn quốc”, *Viên Âm*, số 99, 16-12-1950, tr. 3.

54 Nguyễn Lang (2011), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb Văn học, tr. 989.

55 Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb Văn học, 2011, tr. 759.

56 Nguyễn Xuân Thanh, “Hiện trạng Phật giáo đồ xứ ta”, *Viên Âm*, số 16, 7-8/1935, tr. 26.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Đại Đồng (6/2008), “Pháp Âm và Phật hóa Tân thanh niên là hai tờ báo Phật giáo đầu tiên trong lịch sử báo chí Việt Nam”, *Giác Ngộ*, số 147. Nguyễn Thị Trường Giang (2020), *Giáo trình lịch sử báo chí*, tập 1, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

Trần Văn Giàu (2020), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, tập II, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

Hội An Nam Phật học (1933-1945), *Viên Âm*, số 1-78, Huế.

Hội Đà thành Phật học (1937-1938), *Tam Bảo Chí*, số 1-8, Đà Nẵng. Hội Luồng Xuyên Phật học (1935-1945), *Duy Tâm Phật học*, số 1-52, Trà Vinh.

Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học (1932-1945), *Từ Bi Âm*, số 1-215, Sài Gòn.

Hội Phật giáo Bắc kỳ (1935-1945), *Đuốc Tuệ*, số 1-258, Hà Nội. Hội Phật tử Việt Nam

(1949-1951), Bồ Đề bán nguyệt San, số 1-40, Hà Nội.

Hội Việt Nam Phật học (1949-1951), Viên Âm, số 79-115, Huế. Thích Thiện Hoa (1970), 50 năm phong trào chấn hưng Phật giáo, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Nguyễn Phạm Hùng (2015), Văn học Phật giáo Việt Nam, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.

Đỗ Quang Hưng (2018), Lịch sử báo chí Việt Nam (1865-1945), Nxb Khoa học xã hội.

Nguyễn Lang (2011), Việt Nam Phật giáo sử luận, Nxb Văn học. Thích Như Niệm – Đình Thu Xuân (2016), Thiện Chiếu – Danh sư, trí thức cách mạng, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Trưởng lão Tỳ kheo Trí Quang (2020), Tâm ảnh lục, Nxb Hồng Đức.

Ninh Thị Sinh (2020), Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc kỳ, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

Trịnh Văn Thảo (2020), Ba thế hệ trí thức người Việt, Nxb Trí thức.

Phan Đăng Thanh – Trương Thị Hòa (2017), Lịch sử các chế độ báo chí ở Việt Nam, tập 1-2, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

Huỳnh Văn Tòng (2016), Báo chí Việt Nam từ khởi thủy đến 1945, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

Mai Thọ Truyền (2007), Phật giáo Việt Nam, Nxb Tôn giáo.